

Số: 140/2020 -TH1-VP
V/v: Công bố thông tin BCTC
06 tháng đầu năm 2020

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2020

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

1. Công ty: Công ty CP Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam
2. Mã chứng khoán: TH1
3. Trụ sở chính: Số 46 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
4. Điện thoại: 04.38264009 Fax: 04.38259894
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Vũ Thị Phương**
Địa chỉ: 75C Tổ 15 Làng Thủ Lệ, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội.

6. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC Văn phòng Công ty:
 - Lợi nhuận 06 tháng năm 2020: (20.927.849.578) VNĐ
 - Lợi nhuận 06 tháng năm 2019: (3.413.007.251) VNĐ
- BCTC tổng hợp toàn Công ty:
 - Lợi nhuận 06 tháng năm 2020: (19.952.035.825) VNĐ
 - Lợi nhuận 06 tháng năm 2019: (3.022.108.530) VNĐ

Lợi nhuận sau thuế TNDN 06 tháng đầu năm 2020 tại BCTC của Văn phòng Công ty và BCTC tổng hợp 06 tháng đầu năm 2020 của toàn Công ty lớn nhiều hơn so với cùng kỳ năm 2019 là do:

- Lỗ 06 tháng /2020 so với lỗ 06 tháng /2019 tăng thêm 16.929.927.295 đ do lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 365.591.487 đ. Doanh thu hoạt động tài chính giảm 25.983.312.806 đ trong khi chi phí hoạt động tài chính chỉ giảm 8.275.140.279đ, chi phí bán hàng tăng 2.668.096.217đ. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm: 4.296.670.336đ.

- Thông tin này đã được công bố trên website của công ty: www.generalexim.com.vn vào ngày 28/08/2020

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin



CHÁNH VĂN PHÒNG
Vũ Thị Phương



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
(đã được soát xét)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY AND ACCOUNTING NETWORK

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-41
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10-11
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	12-41

TRÁ
HÀ
HO

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011968 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 05/02/2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Vĩnh Huy	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Ủy viên
Ông Nhâm Việt Bắc	Ủy viên
Ông Lê Tuấn Điệp	Ủy viên

Bà Nguyễn Thị Thu Hoài - Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này.

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Chiến	Trưởng ban	
Bà Phạm Thị Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/06/2020
Ông Nguyễn Thế Sinh	Thành viên	Ngày miễn nhiệm 01/01/2020
Ông Nguyễn Xuân Anh	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Hoài
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2020

Số: 280820.002/BCTC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam được lập ngày 25 tháng 07 năm 2020, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

1. Tại ngày 30/06/2020, Công ty có khoản lỗ lũy kế trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ âm 356,93 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu âm 173,19 tỷ đồng, nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn 303,78 tỷ đồng, toàn bộ các khoản vay vốn của ngân hàng đã quá hạn thanh toán, các khoản nợ quá hạn không có khả năng thu hồi tăng lên, đồng thời trong 6 tháng đầu năm 2020, Công ty có lợi nhuận trước thuế lỗ 19,95 tỷ đồng. Những vấn đề này cho thấy có các yếu tố trọng yếu dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 của Công ty vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

2. Như đã trình bày chi tiết tại thuyết minh số 19 về "Thỏa thuận nhận tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm" ngày 23/08/2018, đối với khoản vay giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Việt Á - chi nhánh Hà Nội. Chúng tôi không thể đánh giá hết ảnh hưởng (nếu có) của thỏa thuận tài sản bảo đảm nêu trên đến các khoản mục trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020 cũng như các điều chỉnh cần thiết liên quan đến thỏa thuận này.

Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính cho kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp 1 Việt Nam.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biễn ✓

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		590.584.566.575	590.559.031.856
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	439.942.064	317.331.811
111	1. Tiền		439.942.064	317.331.811
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	166.017.324.241	165.728.158.041
121	1. Chứng khoán kinh doanh		172.281.569.834	172.281.569.834
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(6.264.245.593)	(6.553.411.793)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		408.779.942.933	412.876.598.516
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	103.107.680.661	106.081.577.609
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	250.409.878.610	259.209.141.038
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		450.000.000	450.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	397.274.103.325	389.605.599.532
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(342.461.719.663)	(342.469.719.663)
140	IV. Hàng tồn kho	9	2.510.293.321	859.884.475
141	1. Hàng tồn kho		2.510.293.321	859.884.475
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		12.837.064.016	10.777.059.013
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	259.011.999	360.337.013
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		12.437.823.517	10.276.493.500
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	140.228.500	140.228.500
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		167.596.464.172	169.687.006.530
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		100.000.000	100.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	100.000.000	100.000.000
220	II. Tài sản cố định		5.155.404.654	4.152.897.524
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	2.003.604.654	1.001.097.524
222	- Nguyên giá		12.732.569.359	11.574.237.814
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(10.728.964.705)	(10.573.140.290)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	3.151.800.000	3.151.800.000
228	- Nguyên giá		3.151.800.000	3.151.800.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
230	III. Bất động sản đầu tư	12	121.306.705.358	123.050.080.268
231	- Nguyên giá		155.409.387.525	155.409.387.525
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(34.102.682.167)	(32.359.307.257)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	874.861.159
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	874.861.159
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	36.351.669.217	36.369.721.728
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		41.368.895.429	41.368.895.429
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.200.000.000	1.200.000.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(6.217.226.212)	(6.199.173.701)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.682.684.943	5.139.445.851
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	4.682.684.943	5.139.445.851
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		758.181.030.747	760.246.038.386

CG
RÁC
AN
A
OAI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		931.366.650.190	912.934.462.732
310	I. Nợ ngắn hạn		894.360.265.056	875.800.617.702
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	23.546.542.156	24.848.384.223
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	1.320.962.184	1.060.196.491
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	1.439.910.172	293.419.955
314	4. Phải trả người lao động		1.764.805.544	2.191.292.725
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	18	295.471.391.113	277.465.792.108
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	570.472.697.159	569.597.575.472
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		343.956.728	343.956.728
330	II. Nợ dài hạn		37.006.385.134	37.133.845.030
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	17	9.713.118.420	9.839.664.036
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	10.777.266.714	10.778.180.994
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	16.516.000.000	16.516.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		(173.185.619.443)	(152.688.424.346)
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	(173.185.619.443)	(152.688.424.346)
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		135.392.670.000	135.392.670.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		135.392.670.000	135.392.670.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.147.588.054	17.147.588.054
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		7.262.420.104	7.262.420.104
415	4. Cổ phiếu quỹ		(981.900)	(981.900)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		23.940.421.305	23.940.421.305
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(356.927.737.006)	(336.430.541.909)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(336.878.738.246)	(299.316.832.993)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		(20.048.998.760)	(37.113.708.916)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		758.181.030.747	760.246.038.386

Nguyễn Thanh Thúy

Nguyễn Thanh Thúy
Người lập

Mai Thu Hà

Mai Thu Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hoài
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2020	2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	48.425.683.666	42.859.847.901
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	554.944.982
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		48.425.683.666	42.304.902.919
11	4. Giá vốn hàng bán	23	38.710.785.100	32.224.412.866
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		9.714.898.566	10.080.490.053
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	130.606.622	26.113.919.428
22	7. Chi phí tài chính	25	18.151.913.529	26.427.053.808
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		17.465.421.384	23.316.978.013
25	8. Chi phí bán hàng	26	5.417.153.621	2.749.057.404
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	5.569.307.771	9.865.978.107
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(19.292.869.733)	(2.847.679.838)
31	11. Thu nhập khác	28	3.578.473	21.648.136
32	12. Chi phí khác	29	662.744.565	196.076.828
40	13. Lợi nhuận khác		(659.166.092)	(174.428.692)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(19.952.035.825)	(3.022.108.530)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(19.952.035.825)	(3.022.108.530)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	(1.481)	(227)

Nguyễn Thanh Thúy
Người lập

Mai Thu Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hoài
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2020	2019
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(19.952.035.825)	(3.022.108.530)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.899.199.325	1.897.761.512
03	- Các khoản dự phòng		(279.113.689)	5.664.130.253
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		910.410.028	1.634.390.793
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(76.527.356)	(26.028.698.170)
06	- Chi phí lãi vay		17.465.421.384	23.316.978.013
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(32.646.133)	3.462.453.871
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		1.928.704.193	(8.654.494.109)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(1.650.408.846)	(449.253.468)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(153.514.885)	(2.000.994.004)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		558.085.922	(292.077.944)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		650.220.251	(7.934.365.654)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(583.470.386)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	7.727.273
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		76.527.356	7.428.169.527
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(506.943.030)	7.435.896.800

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2020	2019
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		143.277.221	(498.468.854)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		317.331.811	1.534.329.268
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(20.666.968)	17.772.818
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>439.942.064</u>	<u>1.053.633.232</u>



Nguyễn Thanh Thúy
Người lập



Mai Thu Hà
Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Thu Hoài
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011968 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 05/02/2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 135.392.670.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 135.392.670.000 đồng; tương đương 13.539.267 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh Xuất nhập khẩu.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn thực phẩm: Kinh doanh tạp phẩm, thủy hải sản, rượu bia, nước giải khát, kinh doanh bánh kẹo, các mặt hàng đường, sữa, sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả, cà phê...;
- Kinh doanh nông, lâm, thủy hải sản;
- Kinh doanh các sản phẩm dệt may;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh Nhà ở và văn phòng, cho thuê văn phòng, căn hộ, kho, bãi, nhà xưởng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Tại thời điểm 30/06/2020, Công ty có khoản lỗ lũy kế trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ với số tiền là âm 356,93 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu âm 173,19 tỷ đồng, nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn 303,78 tỷ đồng và các khoản vay Ngân hàng thương mại đã quá hạn thanh toán với tổng số tiền gốc 570,47 tỷ đồng và lãi vay phải trả tương ứng 280,88 tỷ đồng. Đồng thời, trong 6 tháng đầu năm 2020, Công ty lỗ 19,95 tỷ đồng. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc Công ty đã xây dựng kế hoạch tài chính để có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn thông qua việc tái cơ cấu nợ với ngân hàng, đẩy mạnh công tác thu hồi nợ và thanh lý một số khoản đầu tư, tài sản của Công ty. Do vậy, báo cáo tài chính cho 6 tháng đầu năm 2020 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng
hợp I Việt Nam tại Hải Phòng

Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng
hợp I Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh

Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng
hợp I Việt Nam - Xí nghiệp May xuất khẩu Hải
Phòng

Địa chỉ

Quận Hải An, TP
Hải Phòng

Quận 4,
TP Hồ Chí Minh

Quận Hải An,
TP Hải Phòng

Hoạt động kinh doanh chính

Dịch vụ xuất nhập khẩu

Thương mại và dịch vụ

Gia công hàng may mặc

Thông tin về các công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản trong đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính cuối năm trước của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	Không trích khấu hao

2.11 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	45 năm
--------------------------	--------

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Công ty thực hiện kế toán cho BCC và có nghĩa vụ thay mặt các bên khác thực hiện nghĩa vụ của BCC với Ngân sách Nhà nước, thực hiện quyết toán thuế và phân bổ lại nghĩa vụ này cho các bên khác theo thỏa thuận của BCC. Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC theo thông báo từ BCC.

Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 01/07/2017 giữa Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (gọi tắt là TH1) và Công ty TNHH Kowa (gọi tắt là Kowa), cung cấp dịch vụ gia công quần áo và các sản phẩm may mặc khác dành riêng cho Kowa. Hai bên hợp tác điều hành hoạt động của Nhà máy trong việc cung cấp dịch vụ gia công may mặc để đạt được hiệu quả vận hành tối đa của máy móc và nhân lực Nhà máy, đáp ứng các mục tiêu sản xuất. TH1 được hưởng mức phí quản lý là 1% trên tổng doanh thu dịch vụ hàng tháng và được chi trả vào ngày 15 của tháng kế tiếp. TH1 là bên thực hiện kế toán. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên được chi trả toàn bộ cho Kowa.

Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 82/2014/HĐHT/TH1 - HFC ngày 15/09/2014 và Phụ lục hợp đồng số 02/2019/HĐHT/TH1-HFC ngày 31/12/2019, gia hạn hợp đồng đến 31/08/2020 ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam (HFC) và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - Việt Nam (TH1), TH1 và HFC hợp tác đầu tư ngắn hạn, đảm bảo nguyên tắc lãi suất không thấp hơn lãi suất thực thu của ngân hàng cho vay vốn qua các thời kỳ và được tính theo thời gian sử dụng vốn cụ thể, áp dụng kể từ ngày bên TH1 góp vốn sang HFC, nếu lợi nhuận đầu tư thực tế cao hơn, hai bên sẽ thỏa thuận sau khi kết thúc hợp đồng. Bên thực hiện kế toán là Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam.

2.15 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.16 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.17 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.18 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.19 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.20 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.21 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.22 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

2.25 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 . Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản của Công ty. Bên cạnh đó, toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	340.289.675	51.396.207
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	99.652.389	265.935.604
	439.942.064	317.331.811

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TÓNG HỢP I VIỆT NAM
Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Mã chứng khoán	30/06/2020			01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị cổ phiếu	172.281.569.834	232.122.475.100	(6.264.245.593)	172.281.569.834	231.833.308.900	(6.553.411.793)
Cổ phiếu Công ty Xi măng Bút Sơn	348.600	85.100	(263.500)	348.600	98.900	(249.700)
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall	9.300.372.093	3.036.390.000	(6.263.982.093)	9.300.372.093	2.747.210.000	(6.553.162.093)
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam (*)	162.980.849.141	229.086.000.000	-	162.980.849.141	229.086.000.000	-

(*) Cổ phiếu Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam của Công ty đang được phong tỏa để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng (chi tiết xem tại thuyết minh số 19).

Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa tại ngày lập Báo cáo tài chính trên sàn HNX và HOSE tại ngày 31/12/2019 và 30/06/2020.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM
Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên kết	41.368.895.429	(5.017.226.212)	41.368.895.429	(4.999.173.701)
- Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	20.968.895.429	-	20.968.895.429	-
- Công ty Cổ phần Bất động sản Tổng hợp 1	20.400.000.000	(5.017.226.212)	20.400.000.000	(4.999.173.701)
Đầu tư vào đơn vị khác	1.200.000.000	(1.200.000.000)	1.200.000.000	(1.200.000.000)
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Mai Linh - Quảng Ngãi	1.200.000.000	(1.200.000.000)	1.200.000.000	(1.200.000.000)
	42.568.895.429	(6.217.226.212)	42.568.895.429	(6.199.173.701)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2020 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	Hà Nội	40,00%	40,00%	Cho thuê văn phòng
- Công ty Cổ phần Bất động sản Tổng hợp 1	Hà Nội	49,60%	49,60%	Kinh doanh bất động sản
Đầu tư vào đơn vị khác				
Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Mai Linh - Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	5,42%	5,42%	Kinh doanh, khai thác khoáng sản



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty CP Kim loại Việt Nam	23.932.288.353	(23.932.288.353)	23.932.288.353	(23.932.288.353)
- Công ty CP Thép Việt Thanh	8.158.626.921	(8.158.626.921)	8.158.626.921	(8.158.626.921)
- Công ty CP Dầu khí và Khoáng sản VITECH	8.275.780.880	(8.275.780.880)	8.275.780.880	(8.275.780.880)
- Công ty CP thực phẩm C.M.T	35.949.721.230	(35.949.721.230)	35.949.721.230	(35.949.721.230)
- Phải thu khách hàng khác	26.791.263.277	(17.698.241.561)	29.765.160.225	(17.706.241.561)
	103.107.680.661	(94.014.658.945)	106.081.577.609	(94.022.658.945)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty CP Khoáng sản Mai Linh	6.010.353.102	(6.010.353.102)	6.010.353.102	(6.010.353.102)
- Công ty TNHH Thanh Phát	29.787.510.769	(29.787.510.769)	29.787.510.769	(29.787.510.769)
- Công ty TNHH Thanh Phát HQ	81.832.187.384	(81.832.187.384)	81.832.187.384	(81.832.187.384)
- Công ty TNHH Minh Lâm	4.359.664.601	(4.359.664.601)	4.359.664.601	(4.359.664.601)
- DN tư nhân Trung Thành	54.585.659.678	(54.585.659.678)	54.585.659.678	(54.585.659.678)
- DN tư nhân Phát Đạt	5.238.146.104	(5.238.146.104)	5.238.146.104	(5.238.146.104)
- Công ty TNHH XNK Phước Tiếng	35.635.700.361	(35.635.700.361)	35.635.700.361	(35.635.700.361)
- Công ty CP SAM nông nghiệp công nghệ cao	1.762.568.810	-	4.240.190.360	-
- Trả trước cho người bán khác	31.198.087.801	(20.260.577.997)	37.519.728.679	(20.260.577.997)
	250.409.878.610	(237.709.799.996)	259.209.141.038	(237.709.799.996)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay (1)	151.623.509.432	-	151.623.509.432	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	16.756.638	-	14.764.715	-
- Phải thu về bảo hiểm y tế	3.006.239	-	2.632.767	-
- Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	2.004.226	-	1.755.244	-
- Tạm ứng	14.236.596.395	-	5.990.748.686	-
- Ký cược, ký quỹ	280.307.360	-	835.691.300	-
- Phải thu Công ty TNHH Quang Trung	1.548.661.868	(1.548.661.868)	1.548.661.868	(1.548.661.868)
- Phải thu vốn góp theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	2.846.000.000	(2.846.000.000)	2.846.000.000	(2.846.000.000)
- Phải thu vốn góp theo hợp đồng hợp tác đầu tư (2)	187.500.000.000	-	187.500.000.000	-
- Phải thu ông Nguyễn Xuân Nam	5.990.880.000	(5.500.000.000)	6.000.000.000	(5.500.000.000)
- Phải thu khác	33.226.381.167	(842.598.854)	33.241.835.520	(842.598.854)
	397.274.103.325	(10.737.260.722)	389.605.599.532	(10.737.260.722)
b) Dài hạn				
- Phải thu Bà Phạm Thị Thùy	100.000.000	-	100.000.000	-
	100.000.000	-	100.000.000	-

(1) Khoản phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay là khoản phải thu tương ứng với hợp đồng hợp tác với HFC với điều kiện đảm bảo nguyên tắc không thấp hơn lãi suất thực thu của ngân hàng cho THI vay vốn qua các thời kỳ và được tính theo thời gian sử dụng vốn cụ thể.

(2) Khoản tiền góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 82/2014/HĐHT/TH1 - HFC giữa Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (gọi tắt là THI) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam (gọi tắt là HFC) về việc hợp tác đầu tư ngân hạn "cổ phiếu thuộc danh mục thoái vốn của Công ty SCIC" và Phụ lục hợp đồng số 02/2019/HĐHT/TH1-HFC ngày 31/12/2019, gia hạn hợp đồng đến 31/08/2020, đảm bảo nguyên tắc không thấp hơn lãi suất thực thu của ngân hàng cho vay vốn qua các thời kỳ và được tính theo thời gian sử dụng vốn cụ thể, áp dụng kể từ ngày bên THI góp vốn sang HFC, nếu lợi nhuận đầu tư thực tế cao hơn, hai bên sẽ thỏa thuận sau khi kết thúc hợp đồng.

KIẾM
TRA
SỐ KI
CÓN
MHI

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

8 . NỢ XẤU

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty CP Thép Việt Thanh	8.158.626.921	-	8.158.626.921	-
- Doanh nghiệp tư nhân Trung Thành	54.585.659.678	-	54.585.659.678	-
- Công ty CP Kim loại Việt Nam	23.932.288.353	-	23.932.288.353	-
- Công ty TNHH Thanh Phát	29.787.510.769	-	29.787.510.769	-
- Công ty CP Thực phẩm CMT	35.949.721.230	-	35.949.721.230	-
- Công ty CP Dầu khí và Khoáng sản VITECH	8.275.780.880	-	8.275.780.880	-
- Công ty TNHH Thanh Phát HQ	81.832.187.384	-	81.832.187.384	-
- Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Phước Tiếng	35.635.700.361	-	35.635.700.361	-
- Nợ xấu các khoản khác	64.804.244.087	500.000.000	64.812.244.087	500.000.000
	342.961.719.663	500.000.000	342.969.719.663	500.000.000

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.305.803.782	-	627.384.476	-
Công cụ, dụng cụ	1.700.000	-	11.500.000	-
Hàng hoá	1.202.789.539	-	220.999.999	-
	2.510.293.321	-	859.884.475	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM
Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá									
Số dư đầu năm	5.112.821.251	4.810.802.504	1.435.245.455	215.368.604	11.574.237.814				
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	1.158.331.545	-	-	1.158.331.545				
Số dư cuối kỳ	5.112.821.251	5.969.134.049	1.435.245.455	215.368.604	12.732.569.359				
Giá trị hao mòn lũy kế									
Số dư đầu năm	4.957.964.767	4.320.648.266	1.079.158.653	215.368.604	10.573.140.290				
- Khấu hao trong kỳ	10.145.464	99.232.849	46.446.102	-	155.824.415				
Số dư cuối kỳ	4.968.110.231	4.419.881.115	1.125.604.755	215.368.604	10.728.964.705				
Giá trị còn lại									
Tại ngày đầu năm	154.856.484	490.154.238	356.086.802	-	1.001.097.524				
Tại ngày cuối kỳ	144.711.020	1.549.252.934	309.640.700	-	2.003.604.654				
Trong đó:									
- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 144.711.017 đồng.									
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 9.219.491.756 đồng.									

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Giá trị quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại 26B Lê Quốc Hưng, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá là 3.151.800.000 đồng.

12 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Công ty là Nhà cửa, vật kiến trúc tại Hà Nội, Hải Phòng được sử dụng để cho thuê có tổng nguyên giá 155.409.387.525 đồng; giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 30/06/2020 là 34.102.682.167 đồng, khấu hao trong kỳ là 1.743.374.910 đồng, Giá trị còn lại cuối kỳ của bất động sản đầu tư đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 121.306.705.358 đồng.
Công ty đang sử dụng bất động sản đầu tư tại số 7, Triệu Việt Vương, Hà Nội làm tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ với Ngân hàng (xem chi tiết tại thuyết minh số 19).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	53.411.707
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	259.011.999	306.925.306
	259.011.999	360.337.013
b) Dài hạn		
Tiền thuê đất trả tiền một lần (*)	4.030.484.004	4.106.530.872
Công cụ dụng cụ xuất dùng	158.099.332	316.198.666
Chi phí trả trước dài hạn khác	494.101.607	716.716.313
	4.682.684.943	5.139.445.851

(*) Đất thuê có thời hạn 32 năm, Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất, diện tích 9.060 m2 tại Ấp Tân Mỹ, xã Xuân Bảo, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty CP xây dựng số 2- Vinaconex	22.810.980.224	22.810.980.224	23.110.980.224	23.110.980.224
- Phải trả các đối tượng khác	735.561.932	735.561.932	1.737.403.999	1.737.403.999
	23.546.542.156	23.546.542.156	24.848.384.223	24.848.384.223*

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu gỗ Châu Phi	-	977.753.624
- Công ty Cổ phần tư vấn giám sát xây dựng Đức Quang	1.282.476.339	-
- Người mua trả tiền trước khác	38.485.845	82.442.867
	1.320.962.184	1.060.196.491

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	287.029.492	1.905.517.593	1.943.725.125	-	248.821.960
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	13.898.168	13.898.168	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	98.500	6.390.463	325.582.213	294.165.259	98.500	37.807.417
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	140.130.000	-	1.169.628.232	16.347.437	140.130.000	1.153.280.795
Các loại thuế khác	-	-	8.000.000	8.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	325.932	325.932	-	-
	140.228.500	293.419.955	3.422.952.138	2.276.461.921	140.228.500	1.439.910.172

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

17 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước tiền cho thuê văn phòng	9.713.118.420	9.839.664.036
	9.713.118.420	9.839.664.036

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	516.523.592	433.293.239
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	268.232.311	304.210.311
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.581.850.355	1.581.850.355
- Phải trả lãi vay (*)	280.884.030.306	263.418.608.922
- Phí bảo trì tòa nhà 130 Nguyễn Đức Cảnh, Hoàng Mai, Hà Nội	398.523.635	398.523.635
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.822.230.914	11.329.305.646
	295.471.391.113	277.465.792.108
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	777.266.714	778.180.994
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.000.000.000	10.000.000.000
	10.777.266.714	10.778.180.994

(*) Khoản lãi vay phải trả tương ứng với các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Ngân hàng được chi tiết tại thuyết minh số 19.

105 -
CÔNG TY
KIỂM HỮU
KIỂM T
ASO
KIỂM - T

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM
Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

19 . VAY

	01/01/2020		Trong kỳ		30/06/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn bằng VND	184.500.000.000	184.500.000.000	-	-	184.500.000.000	184.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội (2)	184.500.000.000	184.500.000.000	-	-	184.500.000.000	184.500.000.000
Vay ngắn hạn bằng USD	349.868.383.232	349.868.383.232	875.121.687	-	350.743.504.919	350.743.504.919
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - SGD (1)	37.169.753.400	37.169.753.400	96.004.529	-	37.265.757.929	37.265.757.929
- Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội (2)	20.339.585.879	20.339.585.879	43.778.704	-	20.383.364.583	20.383.364.583
- Ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh Hoàng Mai (3)	46.598.078.423	46.598.078.423	100.297.199	-	46.698.375.622	46.698.375.622
- Công ty Cổ phần đầu tư Hùng An (4)	245.760.965.530	245.760.965.530	635.041.255	-	246.396.006.785	246.396.006.785
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	35.229.192.240	35.229.192.240	-	-	35.229.192.240	35.229.192.240
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hùng An (5)	35.229.192.240	35.229.192.240	-	-	35.229.192.240	35.229.192.240
	569.597.575.472	569.597.575.472	875.121.687	-	570.472.697.159	570.472.697.159
b) Vay dài hạn						
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hùng An (5)	51.745.192.240	51.745.192.240	-	-	51.745.192.240	51.745.192.240
	51.745.192.240	51.745.192.240	-	-	51.745.192.240	51.745.192.240
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(35.229.192.240)	(35.229.192.240)	-	-	(35.229.192.240)	(35.229.192.240)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	16.516.000.000	16.516.000.000			16.516.000.000	16.516.000.000



Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch theo hợp đồng tín dụng số KHTH1140256/HM ngày 19/12/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng chẵn);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh, tài trợ thương mại và các mục đích khác không trái với quy định của pháp luật;
 - + Thời hạn của hợp đồng: thời hạn là 12 tháng kể từ ngày 19/12/2014;
 - + Lãi suất cho vay: 9,5%/năm đối với khoản vay VND, 5%/năm đối với khoản vay USD;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp;
 - + Số dư nợ vay tại thời điểm cuối kỳ là: 1.600.075,48 USD (tương đương 37.265.757.929 VND).
- (2) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 500-19/14/VAB/HĐHMDN ngày 11/09/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng là 350.000.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi tỷ đồng chẵn);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, cho vay chứng minh năng lực tài chính, mở L/C, bảo lãnh các loại, mục đích sử dụng tiền vay cụ thể được quy định rõ trong từng giấy nợ;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực trong 12 tháng, kể từ ngày 19/09/2014 đến ngày 19/09/2015;
 - + Lãi suất cho vay: Áp dụng theo lãi suất thông báo của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân và được ghi trên từng giấy nợ cụ thể;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Lợi thế thương mại đối với quyền sử dụng 435,9 m² đất thuê và tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp bên thế chấp trên 435,9 m² đất thuê tại số 7 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội;
 - + Số dư nợ vay tại thời điểm cuối kỳ là: 184.500.000.000 VND và 875.574,08 USD (tương đương 20.383.364.583 VND).

Thông tin chi tiết "Thỏa thuận nhận tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm" cho khoản vay giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội.

Ngày 23/08/2018, Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á - chi nhánh Hà Nội ký hai (02) thỏa thuận nhận tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của Công ty đối hợp đồng tín dụng số 500-19/14/VAB/HĐHMDN ngày 11/09/2014 nêu trên.

Các tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện một phần nghĩa vụ trả nợ của Công ty với Ngân hàng như sau:

- + Lợi thế thương mại đối với quyền sử dụng 435,9 m² đất thuê và tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp bên thế chấp trên 435,9 m² đất thuê tại số 7 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- + Tiền lãi/lợi tức và các lợi ích vật chất khác của 6.000.000 cổ phần của Công ty tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (EXIMBANK).

Theo xác nhận công nợ vay số 138/CV-CNHN/20 ngày 27/07/2020 của Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội thì số dư nợ gốc của Công ty với Ngân Hàng tại ngày 30/06/2020 là 0 đồng. Tuy nhiên, theo quy định trong thỏa thuận thì Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội được quyền đơn phương chấm dứt thỏa thuận này và yêu cầu Công ty thanh toán đầy đủ các nghĩa vụ tài chính có liên quan nếu Công ty vi phạm các nghĩa vụ quy định tại thỏa thuận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Do vậy, sau thời điểm Công ty và Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội ký "Thỏa thuận nhận tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm" thì Công ty vẫn tiếp tục theo dõi số dư nợ vay phải trả Ngân hàng Việt Á số tiền 184.500.000.000 VND và 875.574,08 USD (tương đương 20.383.364.583 VND). Công ty không ghi nhận chi phí lãi đối với hợp đồng vay số (2) trên kể từ ngày 01/01/2019. Công ty tiếp tục ghi nhận chi phí khấu hao vào chi phí trong năm của bất động sản đầu tư tại số 7, Triệu Việt Vương, Hà Nội. Đồng thời, Công ty đang ghi nhận chi phí thuê lại tòa nhà tại Số 7, Triệu Việt Vương, Hà Nội từ ngân hàng vào chi phí trong kỳ.

- (3) Khoản vay với Ngân hàng NN&PT Nông Thôn - Chi nhánh Hoàng Mai theo hợp đồng tín dụng số 1240LAV201500065 ngày 25/02/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Tổng hạn mức tín dụng được cấp là 140.000.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi tỷ đồng chẵn);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động đáp ứng kế hoạch kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 23/01/2016, thời hạn vay được quy định theo từng lần nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất vay theo quy định của Agribank và Agribank chi nhánh Hoàng Mai tại từng thời điểm và được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp;
 - + Số dư nợ vay tại thời điểm cuối kỳ là: 2.005.943,97 USD (tương đương 46.698.375.622 VND).
- (4) Số dư nợ vay tại thời điểm ngày 30/06/2020 là các khoản nợ vay được Công ty Cổ phần đầu tư Hùng An mua lại theo các hợp đồng mua bán nợ với các ngân hàng, bao gồm:
- + Số tiền nợ gốc 5.678.263,83 USD (tương đương 132.189.981.963 VND), nợ lãi 1.467.755,07 USD, là khoản nợ vay với Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Chi nhánh Hà Nội đã được Công ty Cổ phần đầu tư Hùng An mua lại theo các hợp đồng mua bán nợ;
 - + Số tiền nợ gốc 2.068.157,58 USD (tương đương 48.146.708.462 VNĐ), nợ lãi 314.173,12 USD là khoản nợ vay với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - SGD đã được Công ty Cổ phần đầu tư Hùng An mua lại theo hợp đồng mua bán nợ;
 - + Số tiền nợ gốc 2.837.599,5 USD (tương đương 66.059.316.360 VNĐ), nợ lãi 749.537,22 USD là khoản nợ vay với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hà Nội đã được Công ty Cổ phần đầu tư Hùng An mua lại theo hợp đồng mua bán nợ.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (5) Số dư nợ vay tại thời điểm ngày 30/06/2020 số tiền 51.745.192.240 đồng (trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 35.229.192.240 đồng, nợ phải trả sau 12 tháng 16.516.000.000 đồng) và lãi 16.635.911.367 đồng là khoản nợ vay với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - SGD đã được Công ty Cổ phần đầu tư Hùng An mua lại theo hợp đồng mua bán nợ.

c) Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

	30/06/2020		01/01/2020	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
- Vay	570.472.697.159	280.884.030.306	569.597.575.472	263.418.608.922
	570.472.697.159	280.884.030.306	569.597.575.472	263.418.608.922

Lý do chưa thanh toán: Tình hình hoạt động kinh doanh trong kỳ có những khó khăn nhất định, mặt khác việc thu hồi nợ của Công ty cũng gặp khó khăn nên tạm thời Công ty chưa có khả năng thanh toán các khoản vay ngắn hạn đến hạn trả. Hiện tại, Công ty đang xây dựng kế hoạch về nguồn tài chính để đảm bảo thanh toán các khoản nợ vay theo đúng hợp đồng đã được ký kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM
Số 46 Ngõ Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	135.392.670.000	17.147.588.054	7.262.420.104	(981.900)	23.940.421.305	(298.777.714.481)	(115.035.596.918)
Lỗ trong kỳ trước	-	-	-	-	-	(3.022.108.530)	(3.022.108.530)
Phân phối cho Kowa từ lợi nhuận 2018 (*)	-	-	-	-	-	(539.118.512)	(539.118.512)
Phân phối lợi nhuận cho Kowa từ lợi nhuận 2019 (*)	-	-	-	-	-	(49.633.007)	(49.633.007)
Số dư cuối kỳ trước	135.392.670.000	17.147.588.054	7.262.420.104	(981.900)	23.940.421.305	(302.388.574.530)	(118.646.456.967)
Số dư đầu năm nay	135.392.670.000	17.147.588.054	7.262.420.104	(981.900)	23.940.421.305	(336.430.541.909)	(152.688.424.346)
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	(19.952.035.825)	(19.952.035.825)
Phân phối cho Kowa từ lợi nhuận 2019 (*)	-	-	-	-	-	(448.196.337)	(448.196.337)
Phân phối lợi nhuận cho Kowa từ lợi nhuận 2020 (*)	-	-	-	-	-	(96.962.935)	(96.962.935)
Số dư cuối kỳ này	135.392.670.000	17.147.588.054	7.262.420.104	(981.900)	23.940.421.305	(356.927.737.006)	(173.185.619.443)

(*): Khoản lợi nhuận phải trả Công ty TNHH Kowa (gọi tắt là Kowa) theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 01/07/2017 (Thông tin chi tiết tại thuyết minh số 2.14).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Ông Đinh Đức Tùng	20,73%	28.065.210.000	20,73%	28.065.210.000
Ông Nguyễn Văn Nguyên	19,91%	26.961.230.000	19,91%	26.961.230.000
Ông Nguyễn Vĩnh Huy	15,88%	21.500.000.000	15,88%	21.500.000.000
Các cổ đông khác	43,48%	58.865.820.000	43,48%	58.865.820.000
Cổ phiếu quỹ	0,00%	410.000	0,00%	410.000
	100%	135.392.670.000	100%	135.392.670.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2020 VND	06 tháng đầu năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.392.670.000	135.392.670.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>135.392.670.000</i>	<i>135.392.670.000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>135.392.670.000</i>	<i>135.392.670.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	<i>1.581.850.355</i>	<i>1.581.850.355</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	<i>1.581.850.355</i>	<i>1.581.850.355</i>

d) Cổ phiếu

	30/06/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.539.267	13.539.267
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	13.539.267	13.539.267
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.539.267</i>	<i>13.539.267</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	41	41
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>41</i>	<i>41</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.539.226	13.539.226
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.539.226</i>	<i>13.539.226</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển	23.940.421.305	23.940.421.305
	23.940.421.305	23.940.421.305

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại:

- Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, thành phố Hải Phòng để sử dụng với mục đích làm kho bãi chứa hàng, với thời hạn thuê đến ngày 20/09/2056, diện tích khu đất thuê là 20.462,4 m²;- Số 7 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội để sử dụng với mục đích làm văn phòng và kinh doanh khách sạn, với thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 06/12/2005, diện tích đất thuê là 435,9 m²;- Số 251/4 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm kho hàng hóa với thời hạn thuê đất ngắn hạn hàng năm kể từ ngày 05/05/2006 cho đến khi Nhà nước thực hiện quy hoạch, hợp đồng này đương nhiên được gia hạn trong từng năm kế tiếp nếu Nhà nước không có quyết định điều chỉnh, thu hồi đất, diện tích đất thuê là 3.030,3 m²;- Xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm, Hà Nội để sử dụng với mục đích xây dựng Xí nghiệp chế biến quế và nông lâm sản xuất khẩu với diện tích đất thuê là 5.065 m².

Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	30/06/2020	01/01/2020
- Đồng Đô la Mỹ (USD)	560,28	946,74
- Đồng Euro (EUR)	230,06	235,00
- Đồng yên Nhật (JPY)	30.217,00	30.943,00

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	14.437.747.291	5.083.316.731
Doanh thu hàng gia công	24.084.563.992	26.403.240.067
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.903.372.383	11.373.291.103
	48.425.683.666	42.859.847.901

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	14.069.940.973	4.871.365.180
Giá vốn của hàng gia công	22.199.016.910	25.110.547.195
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.441.827.217	2.242.500.491
	38.710.785.100	32.224.412.866

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	76.527.356	16.740.970.897
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	9.280.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	54.079.266	92.948.531
	130.606.622	26.113.919.428

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	17.465.421.384	23.316.978.013
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	44.714.470	38.872.242
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	910.410.028	1.634.390.793
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(271.113.689)	1.435.559.533
Chi phí tài chính khác	2.481.336	1.253.227
	18.151.913.529	26.427.053.808

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.182.910.119	1.050.104.332
Chi phí khấu hao tài sản cố định	128.427.107	130.177.910
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.822.062.413	1.478.769.722
Chi phí khác bằng tiền	283.753.982	90.005.440
	5.417.153.621	2.749.057.404

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	850.002	-
Chi phí nhân công	3.570.386.532	3.094.759.816
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.208.692	24.208.692
Thuế, phí, lệ phí	255.499.691	114.755.094
Chi phí dự phòng	(8.000.000)	4.228.570.720
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.282.940.076	1.856.809.915
Chi phí khác bằng tiền	443.422.778	546.873.870
	5.569.307.771	9.865.978.107

28 . THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	7.727.273
Thu nhập khác	3.578.473	13.920.863
	3.578.473	21.648.136

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

29 . CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Các khoản bị phạt	25.994.542	15.000.000
Chi phí khác	636.750.023	181.076.828
	662.744.565	196.076.828

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(19.952.035.825)	(3.022.108.530)
Các khoản điều chỉnh tăng	321.306.972	4.433.346.904
- Chi phí không hợp lệ	279.481.242	4.433.346.904
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	41.825.730	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(9.338.814.234)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(9.280.000.000)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	-	(58.814.234)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(19.630.728.853)	(7.927.575.860)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(19.952.035.825)	(3.022.108.530)
Các khoản điều chỉnh:	(96.962.935)	(49.633.007)
- Lợi nhuận phải trả cho Công ty TNHH Kowa	(96.962.935)	(49.633.007)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(20.048.998.760)	(3.071.741.537)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	13.539.226	13.539.226
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.481)	(227)

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.532.286.289	2.539.691.357
Chi phí nhân công	14.899.176.739	14.942.745.830
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.899.199.325	1.897.761.512
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.300.547.013	14.342.365.554
Chi phí khác bằng tiền	2.004.096.153	2.016.948.224
	35.635.305.519	35.739.512.477

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2020				
Đầu tư ngắn hạn	166.017.324.241	-	-	166.017.324.241
	<u>166.017.324.241</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>166.017.324.241</u>
Tại ngày 01/01/2020				
Đầu tư ngắn hạn	165.728.158.041	-	-	165.728.158.041
	<u>165.728.158.041</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>165.728.158.041</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	439.942.064	-	-	439.942.064
Phải thu khách hàng, phải thu khác	395.629.864.319	100.000.000	-	395.729.864.319
Các khoản cho vay	450.000.000	-	-	450.000.000
	<u>396.519.806.383</u>	<u>100.000.000</u>	<u>-</u>	<u>396.619.806.383</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	317.331.811	-	-	317.331.811
Phải thu khách hàng, phải thu khác	390.927.257.474	100.000.000	-	391.027.257.474
Các khoản cho vay	450.000.000	-	-	450.000.000
	<u>391.694.589.285</u>	<u>100.000.000</u>	<u>-</u>	<u>391.794.589.285</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2020				
Vay và nợ	570.472.697.159	16.516.000.000	-	586.988.697.159
Phải trả người bán, phải trả khác	319.017.933.269	10.777.266.714	-	329.795.199.983
	<u>889.490.630.428</u>	<u>27.293.266.714</u>	<u>-</u>	<u>916.783.897.142</u>
Tại ngày 01/01/2020				
Vay và nợ	569.597.575.472	16.516.000.000	-	586.113.575.472
Phải trả người bán, phải trả khác	302.314.176.331	10.778.180.994	-	313.092.357.325
	<u>871.911.751.803</u>	<u>27.294.180.994</u>	<u>-</u>	<u>899.205.932.797</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Vĩnh Huy	Chủ tịch HĐQT
Ông Nhân Việt Bắc	Thành viên HĐQT
Ông Lê Tuấn Điệp	Thành viên HĐQT

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
Thu nhập của Tổng Giám đốc	VND 409.480.000	VND 210.500.000
Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị	171.000.000	176.000.000

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

Nguyễn Thanh Thúy
Người lập

Mai Thu Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hoài
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2020